



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô

Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (0243) 8363242 - 7914876 - Email: vmi@vmi.gov.vn - Web: www.vmi.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): V02.CN5.8186.25

Tên đối tượng (Object): Cân so sánh

Kiểu (Type): XA 6/21.4Y.MA.P.PLUS

Số (Serial №)/Mã QL (Tag №): 694270

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): RADWAG

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Max = 6 g / 21 g

d = 0,001 mg / 0,002 mg

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AOV

Phòng 406, tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, Hà Nội

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

V02.M-03.24

Cân so sánh - Quy trình hiệu chuẩn

(Mass comparators - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

V02.TB1.37 - Bộ (1 mg ÷ 500 g) E2

Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI

(Standards are traceable to the international system of units SI)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

31-07-26

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2025

(Date of issue)

 Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)



Nguyễn Công Trung



 VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

 Nguyễn Anh Sơn

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): V02.CN5.8186.25

Mức cân (Load)	Độ lệch chuẩn (Standard deviation) mg	Hệ số nhạy (Sensitivity)		Độ lệch tâm(*) (Eccentricity) mg
		Giá trị (Value)	ĐKĐBĐ chuẩn (Std. uncertainty)	
1 mg	0,0009	0,99998	5,4E-04	4,0E-08
5 mg	0,0014	0,99995	5,0E-04	2,0E-07
10 mg	0,0007	0,99993	4,8E-04	4,0E-07
500 mg	0,0026	1,00002	4,8E-04	2,0E-05
20 g	0,0011	1,00022	4,8E-04	8,0E-04

(*) với điều kiện chênh lệch tâm của các quả cân không vượt quá 3 mm.

- Điều kiện môi trường: Nhiệt độ (25,5 ÷ 25,9) °C; Độ ẩm: (65,7 ÷ 68,9) %RH,
Environmental conditions: Temperature: (25,5 ÷ 25,9) °C; Humidity: (65,7 ÷ 68,9) %RH,

- Độ không đảm bảo đo của hệ số nhạy được xác định với $k = 1$.
The uncertainty is estimated with $k = 1$.

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Người thực hiện
(Calibrated by)

Nguyễn Thanh Tùng



• Địa điểm thực hiện: 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, Hà Nội